

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính

*cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011
đã được soát xét*

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-30
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-30

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Tuấn Khải	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên	
Bà Phan Thu Anh	Ủy viên	
Ông Phạm Minh Sơn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2011
Ông Nhữ Đình Hòa	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2011
Ông Phạm Uyên Nguyên	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 30/03/2011

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Tuấn Khải	Tổng giám đốc
Ông Phạm Minh Sơn	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc
Bà Phan Thu Anh	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Thái Hà	Trưởng ban	
Ông Lê Công Thuận	Thành viên	
Bà Trịnh Thanh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Hoàng Tuấn Khải

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2011

Số: /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam được lập ngày 15 tháng 07 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Trần Quang Mậu
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0668/KTV

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		818,855,431,387	642,756,895,404
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	65,327,189,764	83,297,268,756
111	1. Tiền		64,640,683,151	82,627,609,034
112	2. Các khoản tương đương tiền		686,506,613	669,659,722
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	185,537,710,141	174,692,210,141
121	1. Đầu tư ngắn hạn		189,622,392,741	178,776,892,741
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(4,084,682,600)	(4,084,682,600)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		492,349,296,949	337,938,230,508
131	1. Phải thu của khách hàng		147,910,819,764	227,030,839,137
132	2. Trả trước cho người bán		357,189,581,452	123,252,416,026
135	5. Các khoản phải thu khác	5	170,568,456	576,648,068
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(12,921,672,723)	(12,921,672,723)
140	IV. Hàng tồn kho		65,916,373,111	39,716,196,509
141	1. Hàng tồn kho	6	65,939,292,459	39,739,115,857
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(22,919,348)	(22,919,348)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9,724,861,422	7,112,989,490
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		8,050,525,661	3,955,853,882
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	82,954,906	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	1,591,380,855	3,157,135,608
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		162,672,755,940	150,507,510,880
220	II. Tài sản cố định		123,962,080,535	115,382,569,577
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	13,084,166,595	11,169,081,618
222	- Nguyên giá		23,710,966,426	20,924,248,244
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10,626,799,831)	(9,755,166,626)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	3,151,800,000	3,151,800,000
228	- Nguyên giá		3,151,800,000	3,151,800,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	107,726,113,940	101,061,687,959
240	III. Bất động sản đầu tư	12	8,532,083,162	9,005,183,085
241	- Nguyên giá		22,625,744,997	22,625,744,997
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14,093,661,835)	(13,620,561,912)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	29,568,173,400	26,068,173,400
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		29,668,895,429	26,168,895,429
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1,250,000,000	1,250,000,000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1,350,722,029)	(1,350,722,029)
260	V. Tài sản dài hạn khác		610,418,843	51,584,818
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	610,418,843	51,584,818
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		981,528,187,327	793,264,406,284

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 30 tháng 06 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		664,683,675,905	454,941,921,756
310	I. Nợ ngắn hạn		647,309,682,604	437,621,639,972
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	522,089,832,974	348,889,726,438
312	2. Phải trả người bán		40,752,214,633	16,144,868,363
313	3. Người mua trả tiền trước		57,494,373,477	40,043,226,052
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2,617,085,863	15,015,708,988
315	5. Phải trả người lao động		889,459,754	1,983,915,724
316	6. Chi phí phải trả	17	654,880,967	744,790,039
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	14,767,330,496	8,062,920,547
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8,044,504,440	6,736,483,821
330	II. Nợ dài hạn		17,373,993,301	17,320,281,784
333	3. Phải trả dài hạn khác		3,736,440,918	3,736,440,918
334	4. Vay và nợ dài hạn	19	13,200,620,000	13,200,620,000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		362,932,383	383,220,866
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		74,000,000	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		316,844,511,422	338,322,484,528
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	316,844,511,422	338,322,484,528
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		125,948,570,000	125,948,570,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17,055,546,923	17,055,546,923
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		6,708,503,470	3,892,413,877
414	4. Cổ phiếu quỹ		(10,376,140,000)	(2,172,860,000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	11,010,357,503
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		133,260,491,891	117,509,228,147
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		23,049,062,312	17,416,883,125
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21,198,476,826	47,662,344,953
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		981,528,187,327	793,264,406,284

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		1,762,668.53	1,223,158.95
- Đồng Euro (EUR)		5,792.38	5,802.90
- Đồng Yên nhật (JPY)		64,548.00	65,274.00

Lê Xuân Chất
Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Khải
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1,071,726,144,141	679,544,429,573
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,071,726,144,141	679,544,429,573
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1,004,537,668,135	643,103,351,361
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		67,188,476,006	36,441,078,212
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	24,422,142,698	26,767,061,361
22	7. Chi phí tài chính	24	52,686,993,742	18,025,748,097
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		30,364,480,769	10,932,222,940
24	8. Chi phí bán hàng		8,404,021,082	7,158,034,358
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		5,880,958,778	3,376,295,649
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		24,638,645,102	34,648,061,469
31	11. Thu nhập khác		21,916,049	308,754,170
32	12. Chi phí khác		44,176,417	-
40	13. Lợi nhuận khác		(22,260,368)	308,754,170
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24,616,384,734	34,956,815,639
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	3,651,052,988	3,732,726,805
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		20,965,331,746	31,224,088,834
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	1,708	3,511

Lê Xuân Chất
Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Khải
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1,170,699,301,562	768,276,599,580
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1,214,762,930,814)	(702,829,346,247)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(8,811,099,511)	(11,595,014,194)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(30,512,681,841)	(11,792,987,765)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(8,930,158,927)	(2,021,701,012)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9,167,383,346	66,402,412,196
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(82,153,064,305)	(73,642,390,858)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(165,303,250,490)	32,797,571,700
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9,451,144,163)	(46,933,120,030)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		800,000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1,151,000,000)	(1,048,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1,158,537,968	1,613,998,162
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3,500,000,000)	(2,000,000,000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5,771,315,664	8,842,423,556
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7,171,490,531)	(39,524,698,312)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	16,000,000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(8,203,280,000)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1,117,980,791,190	892,815,764,365
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(944,780,684,654)	(821,672,375,168)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10,492,164,507)	(5,248,129,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		154,504,662,029	65,911,260,197
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(17,970,078,992)	59,184,133,585

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		83,297,268,756	42,511,539,095
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	1,645,111,094
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>65,327,189,764</u>	<u>103,340,783,774</u>

Lê Xuân Chất
Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Khải
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 125.948.570.000 VND. Tương đương 12.594.857 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Hải Phòng.	Số 57 Điện Biên Phủ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Đà Nẵng.	Số 191 Hoàng Diệu - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - (Thành phố Hồ Chí Minh).	Số 26B Lê Quốc Hưng - Phường 12 - Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp May xuất khẩu Hải Phòng.	Km 110 - Quốc lộ 5 - Quận Hải An - Thành phố Hải Phòng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp Chế biến Nông lâm sản hàng Thủ công Mỹ nghệ xuất khẩu.	Cụm công nghiệp Liên Phương - Huyện Thường Tín - Hà Nội

Công ty có các công ty liên kết sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Số 53 Quang Trung, Hà Nội

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản, khoáng sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tạp phẩm, hàng công nghiệp, gia công chế biến trong nước và nhập khẩu, các sản phẩm dệt may (trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh máy móc thiết bị, nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất, vật liệu xây dựng, hóa chất Nhà nước không cấm, phương tiện vận tải;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Kinh doanh thức ăn và nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy hải sản, hóa chất và giống phục vụ nuôi trồng thủy hải sản, cây giống phục vụ nông nghiệp, phân bón, trang thiết bị y tế, dụng cụ trong ngành y dược (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, tạp phẩm, hóa chất tẩy rửa (trừ hóa chất Nhà nước cấm), mỹ phẩm (trừ loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người), đồ gia dụng, điện máy, điện tử, điện lạnh, rượu, bia, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Sản xuất, gia công, chế biến, lắp ráp: các mặt hàng dệt, may, đồ chơi (trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội), đồ gỗ, xe máy, điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng, nông, lâm, thủy hải sản;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, bãi, nhà xưởng, phương tiện vận tải, nâng xếp, bốc dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ: chuyển khẩu, quá cảnh, khai thuê hải quan, giao nhận hàng hóa, vận chuyển khách, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh bánh, kẹo, phụ tùng và thiết bị viễn thông (máy tổng đài và điện thoại các loại), camera;
- Kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm;
- Kinh doanh các mặt hàng đường, sữa;
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như tài sản cố định khác của Công ty.

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu là khoản lợi nhuận bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với hoạt động thương mại của Công ty là 25%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	369,655,981	309,364,701
Tiền gửi ngân hàng	64,271,027,170	82,318,244,333
Các khoản tương đương tiền	686,506,613	669,659,722
	65,327,189,764	83,297,268,756

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	189,586,392,741	178,740,892,741
Đầu tư ngắn hạn khác	36,000,000	36,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4,084,682,600)	(4,084,682,600)
	185,537,710,141	174,692,210,141

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty như sau:

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - EIB	164,077,449,141	164,077,449,141
Cổ phiếu Công ty Xi măng Bút Sơn	348,600	348,600
Cổ phiếu Công ty Tài chính Dầu khí - PVFC	30,000	30,000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Tân Tạo	675,000,000	675,000,000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch	3,077,040,000	2,667,040,000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall	21,390,000,000	11,040,000,000
Cổ phiếu Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	366,525,000	281,025,000
Trái phiếu chuyển đổi của Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	36,000,000	36,000,000
	189,622,392,741	178,776,892,741

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu thuế thu nhập cá nhân của người lao động	132,346,451	547,038,074
Phải thu khác	38,222,005	29,609,994
	170,568,456	576,648,068

6 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	49,011,259,155	8,111,112,873
Nguyên liệu, vật liệu	43,737,200	15,295,601
Công cụ, dụng cụ	68,969,026	-
Hàng hoá	16,815,327,078	31,612,707,383
	65,939,292,459	39,739,115,857

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	82,954,906	-
	<u>82,954,906</u>	<u>-</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tạm ứng	842,488,930	617,799,341
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	748,891,925	2,539,336,267
	<u>1,591,380,855</u>	<u>3,157,135,608</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP VIỆT NAMSố 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	13,717,070,176	3,167,786,144	3,418,375,088	621,016,836	20,924,248,244
Số tăng trong kỳ	124,518,182	-	2,662,200,000	-	2,786,718,182
- Mua sắm mới	-	-	2,662,200,000	-	2,662,200,000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	124,518,182	-	-	-	124,518,182
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	13,841,588,358	3,167,786,144	6,080,575,088	621,016,836	23,710,966,426
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	4,502,725,061	1,630,999,938	3,018,264,618	603,177,009	9,755,166,626
Số tăng trong kỳ	445,574,730	226,417,710	181,800,938	17,839,827	871,633,205
- Trích khấu hao	445,574,730	226,417,710	181,800,938	17,839,827	871,633,205
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4,948,299,791	1,857,417,648	3,200,065,556	621,016,836	10,626,799,831
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Đầu kỳ	9,214,345,115	1,536,786,206	400,110,470	17,839,827	11,169,081,618
Cuối kỳ	8,893,288,567	1,310,368,496	2,880,509,532	-	13,084,166,595

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	3,151,800,000
Số tăng trong kỳ	-
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	3,151,800,000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Đầu kỳ	3,151,800,000
Cuối kỳ	3,151,800,000

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	101,061,687,959	11,525,829,466
Số tăng trong kỳ	6,788,944,163	55,756,562,611
Số đã kết chuyển tăng tài sản cố định trong kỳ	(124,518,182)	-
Số dư cuối kỳ	107,726,113,940	67,282,392,077

Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	107,726,113,940	101,061,687,959
- Kho Liên Phương	16,915,455	16,915,455
- Kho Đoạn Xá	134,977,971	124,392,516
- Dự án Nhà văn phòng kết hợp dịch vụ thương mại và căn hộ đề bán tại 130 Nguyễn Đức Cảnh - Hà Nội (*)	106,766,772,100	100,122,228,574
- Khu Lũy Bán Bích	807,448,414	798,151,414
	107,726,113,940	101,061,687,959

(*): Dự án Nhà văn phòng kết hợp dịch vụ thương mại và căn hộ đề bán tại 130 Nguyễn Đức Cảnh - Hà Nội với tổng mức đầu tư gần 292 tỷ đồng, quy mô 17 tầng; trong đó từ tầng 1 đến tầng 6 được sử dụng để làm Khu dịch vụ, văn phòng và sân chơi chung, từ tầng 7 đến tầng 17 được sử dụng làm căn hộ để ở. Dự kiến Dự án sẽ đưa vào khai thác và sử dụng từ Quý I năm 2012.

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	22,625,744,997
Số tăng trong kỳ	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	<u>22,625,744,997</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	13,620,561,912
Số tăng trong kỳ	473,099,923
- Trích khấu hao	473,099,923
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	<u>14,093,661,835</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Đầu kỳ	9,005,183,085
Cuối kỳ	<u>8,532,083,162</u>

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	29,668,895,429	26,168,895,429
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	1,200,000,000	1,200,000,000
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	7,500,000,000	4,000,000,000
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	20,968,895,429	20,968,895,429
Đầu tư dài hạn khác	1,250,000,000	1,250,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1,350,722,029)	(1,350,722,029)
	<u>29,568,173,400</u>	<u>26,068,173,400</u>

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2011 như sau

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	Tỉnh Quảng Ngãi	20.00%	20.00%	Xây dựng; Mua bán, khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản.
Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	Thành phố Hà Nội	30.00%	30.00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Thành phố Hà Nội	40.00%	40.00%	Cho thuê văn phòng

Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hợp Lực Việt Nam	1,250,000,000	1,250,000,000
	<u>1,250,000,000</u>	<u>1,250,000,000</u>

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	120,553,843	51,584,818
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	489,865,000	-
	<u>610,418,843</u>	<u>51,584,818</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	522,089,832,974	348,889,726,438
- Vay ngân hàng	522,089,832,974	348,889,726,438
	<u>522,089,832,974</u>	<u>348,889,726,438</u>

Chi tiết vay ngắn hạn

	<u>30/06/2011</u>	<u>30/06/2011</u>
	USD	Quy đổi VND
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - Sở giao dịch (1)	2,746,918.71	56,981,243,853
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Hà Nội (2)	-	57,430,849,400
Ngân hàng NN&PTNT Hoàng Mai (3)	-	24,000,000,000
Ngân hàng NN&PTNT Hoàng Mai (3)	5,833,518.83	120,261,295,649
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (4)	-	66,167,675,000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (4)	3,707,386.73	76,116,102,487
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch (5)	-	26,576,760,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch (5)	3,684,038.62	75,514,629,804
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (6)	280,939.52	5,790,163,507
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành (7)	641,918.00	13,251,113,274
	<u>16,894,720.41</u>	<u>522,089,832,974</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01.13.4855.2010/HĐTDHM ngày 03/06/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay được quy định trên từng lần nhận nợ;
- + Lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng, lãi vay bắt đầu được tính kể từ ngày nhận nợ vay;
- + Đảm bảo khoản vay bằng hình thức thế chấp tài sản, bao gồm:
Toàn bộ tiền gửi bằng VND hoặc Ngoại tệ tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.
Toàn bộ tài sản cố định, các khoản vốn góp tài đơn vị khác, quyền tài sản khác.
Nếu tính đến thời điểm 31/07/2010, tổng giá trị tài sản bên vay đảm bảo chưa đạt mức tối thiểu là 20.000.000.000 VND thì hạn mức tín dụng giảm xuống còn 70.000.000.000 VND.

(2) Hợp đồng tín dụng số 1703-LAV-201001534 ngày 31/03/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn hiệu lực của HMTD là 12 tháng kể từ ngày ký, thời hạn vay được quy định tại mỗi lần rút vốn nhưng không quá 06 tháng;
- + Lãi suất vay được quy định tại từng thời điểm nhận nợ, lãi vay được tính theo phương pháp tích số và được trả hàng tháng;
- + Đối với các khoản vay nhằm mục đích xuất khẩu và Bảo lãnh được áp dụng theo phương pháp tín chấp, đối với khoản vay phục vụ nhập khẩu được đảm bảo bằng chính lô hàng nhập khẩu theo phương thức hàng để kho 3 bên hoặc kho đơn vị.

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

- (3) Hợp đồng tín dụng số 1240 LAV 20050026/HĐTD ngày 04/05/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn hiệu lực của HMTD là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay được quy định cụ thể theo từng lần giải ngân;
 - + Lãi suất vay theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Đảm bảo khoản vay bằng hình thức tín chấp.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 01-2011/HĐTDHM/CNHN-15-130 ngày 10/03/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 200 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn vay quy định trên từng lần nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
 - + Lãi vay áp dụng theo quy định của ngân hàng tại thời điểm nhận nợ bằng tổng lãi suất cơ sở và biên độ. Thu lãi vào ngày 25 hàng tháng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Đảm bảo khoản vay bằng hình thức tín chấp.
- (5) Hợp đồng tín dụng số KHTHI 110179/HM ngày 05/05/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh và tài trợ thương mại;
 - + Thời hạn hiệu lực của HMTD là 06 tháng kể từ ngày ký, thời hạn vay tối đa không quá 12 tháng;
 - + Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng lần nhận nợ và không thay đổi trong suốt thời gian cấp tín dụng, lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Đảm bảo khoản vay bằng hình thức tín chấp.
- (6) Hợp đồng tín dụng số SHB 5L 05/2011/HMTD-PN/SHB-HN/HM.GENERALEXIM ngày 19/05/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn hiệu lực của HMTD là 12 tháng kể từ ngày ký, thời hạn vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
 - + Lãi suất được áp dụng theo lần giải ngân và được quy định theo từng thời kỳ của ngân hàng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Doanh thu chuyển về SHB, số tiền chuyển về có giá trị tối thiểu 200% tổng số tiền nhận nợ tại mọi thời điểm.
- (7) Hợp đồng tín dụng số 0075/10/ĐTH ngày 01/12/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền hàng nhập khẩu các mặt hàng sắt thép, kẽm, cao su, hạt nhựa;
 - + Thời hạn hiệu lực của HMTD đến hết ngày 31/08/2011, thời hạn vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 04 tháng;
 - + Lãi suất theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm nhận nợ và ghi theo từng khế ước, lãi được trả hàng tháng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay.

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

30/06/2011
VND

01/01/2011
VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

Thuế Giá trị gia tăng	441,485,011	5,185,825,523
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	134,955,563	2,415,456,000
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1,854,899,327	7,134,005,266
Thuế Thu nhập cá nhân	893,612	177,202,549
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	184,852,350	103,219,650
	2,617,085,863	15,015,708,988

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước lãi trái phiếu phải trả	471,821,966	620,023,038
Trích trước tiền ăn trưa	-	5,110,000
Trích trước tiền thuê đất	88,059,001	66,152,001
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	95,000,000	53,505,000
	654,880,967	744,790,039

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	101,526,660	148,873,643
Bảo hiểm xã hội	35,439,105	37,619,195
Bảo hiểm y tế	2,544,017	4,673,808
Bảo hiểm thất nghiệp	502,081	2,759,346
Phải trả cổ tức cho cổ đông vốn Nhà nước	8,916,083,962	1,071,984,735
Phải trả cổ tức cho cổ đông khác	5,382,621,190	4,994,960,924
Phải trả tiền vay Cán bộ phòng Kinh doanh Hồ Chí Minh	-	1,490,337,178
Phải trả, phải nộp khác	328,613,481	311,711,718
	14,767,330,496	8,062,920,547

19 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	13,200,620,000	13,200,620,000
- Vay ngân hàng	13,200,620,000	13,200,620,000
	13,200,620,000	13,200,620,000

Chi tiết vay dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - Sở giao dịch (1)	13,200,620,000	13,200,620,000

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

13,200,620,000**13,200,620,000****Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

(1) Hợp đồng Tín dụng dài hạn số 01/134855.2010/HĐTDDH ngày 20 tháng 07 năm 2010:

- + Số tiền cho vay: 130.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư Dự án "Khu dịch vụ thương mại, văn phòng và nhà ở để bán" tại 130 Nguyễn Đức Cảnh - Hoàng Mai - Hà Nội;
- + Thời hạn hợp đồng: 96 tháng từ ngày 20 tháng 07 năm 2009 đến hết ngày 29 tháng 06 năm 2012;
- + Lãi suất cho vay: Điều chỉnh 6 tháng 1 lần theo mức lãi suất của Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
- + Kỳ trả nợ đầu tiên: Lần trả nợ đầu tiên vào ngày 31/12/2010 với số tiền là 1.000.000.000 đồng.
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay theo Hợp đồng này được thế chấp bằng toàn bộ khối tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có là tòa nhà số 130 Nguyễn Đức Cảnh - Hoàng Mai - Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP VIỆT NAM

Số 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	125,948,570,000	17,055,546,923	3,892,413,877	(2,172,860,000)	11,010,357,503	117,509,228,147	17,416,883,125	47,662,344,953	338,322,484,528
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	20,965,331,746	20,965,331,746
Phân phối quỹ năm 2010	-	-	2,816,089,593	-	-	15,751,263,744	5,632,179,187	(24,199,532,524)	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(18,723,924,000)	(18,723,924,000)
Trích quỹ KT, PL	-	-	-	-	-	-	-	(4,505,743,349)	(4,505,743,349)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(8,203,280,000)	-	-	-	-	(8,203,280,000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(11,010,357,503)	-	-	-	(11,010,357,503)
Số dư cuối kỳ nay	125,948,570,000	17,055,546,923	6,708,503,470	(10,376,140,000)	-	133,260,491,891	23,049,062,312	21,198,476,826	316,844,511,422

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Nhà nước	46,107,170,000	36.61%	46,107,170,000	36.61%
Vốn góp của đối tượng khác	79,841,400,000	63.39%	79,841,400,000	63.39%
	125,948,570,000	100.00%	125,948,570,000	100.00%

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125,948,570,000	88,927,330,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>125,948,570,000</i>	<i>88,927,330,000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>125,948,570,000</i>	<i>88,927,330,000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18,723,924,000	-
- <i>Cổ tức chia trên lợi nhuận năm 2010 (bổ sung)</i>	<i>18,723,924,000</i>	-

Theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 30/03/2011 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 04/04/2011, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận của năm 2010 như sau:

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số tiền</u>
	(%)	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100.00%	56,321,791,873
Trích Quỹ đầu tư phát triển	27.97%	15,751,263,744
Trích Quỹ dự phòng tài chính	10.00%	5,632,179,187
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.00%	2,816,089,593
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.00%	1,689,653,756
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành và CBCNV	5.00%	2,816,089,593
Chi trả cổ tức (*)	49.03%	27,616,516,000
Lợi nhuận chưa phân phối	0.00%	-

(*): Trong đó, số cổ tức đã tạm ứng trong năm 2010 là 8.892.592.000 đồng.

d) Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,594,857	12,594,857
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12,594,857	12,594,857
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12,594,857</i>	<i>12,594,857</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	399,841	61,841
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>399,841</i>	<i>61,841</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,195,016	12,533,016
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12,195,016</i>	<i>12,533,016</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	133,260,491,891	117,509,228,147
Quỹ dự phòng tài chính	23,049,062,312	17,416,883,125
	<u>156,309,554,203</u>	<u>134,926,111,272</u>

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/01/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010</u>
	<u>đến 30/06/2011</u>	<u>đến 30/06/2010</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1,065,073,968,371	671,068,561,848
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6,652,175,770	8,475,867,725
	<u>1,071,726,144,141</u>	<u>679,544,429,573</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1,001,239,852,527	640,158,580,364
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3,054,246,792	2,738,088,227
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	243,568,816	206,682,770
	<u>1,004,537,668,135</u>	<u>643,103,351,361</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3,922,966,464	3,747,422,356
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	7,918,600,000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10,056,349,200	5,095,001,200
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	10,442,827,034	9,806,037,805
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	200,000,000
	<u>24,422,142,698</u>	<u>26,767,061,361</u>

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	30,364,480,769	10,932,222,940
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	24,841,043	86,629,770
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	22,297,415,430	4,583,208,981
Chi phí trả lãi trái phiếu	-	2,409,115,200
Chi phí tài chính khác	256,500	14,571,206
	<u>52,686,993,742</u>	<u>18,025,748,097</u>

25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24,616,384,734	34,956,815,639
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(10,012,172,783)	(5,095,001,200)
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý)	44,176,417	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(10,056,349,200)	(5,095,001,200)
Tổng lợi nhuận chịu thuế	14,604,211,951	29,861,814,439
Tổng lợi nhuận tính thuế	14,604,211,951	29,861,814,439
- Lợi nhuận không được hưởng ưu đãi thuế	14,604,211,951	29,861,814,439
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	3,651,052,988	7,465,453,610
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(3,732,726,805)

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3,651,052,988</u>	<u>3,732,726,805</u>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	7,134,005,266	57,593,855
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(8,930,158,927)	(2,021,701,012)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	<u>1,854,899,327</u>	<u>1,768,619,648</u>

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	20,965,331,746	31,224,088,834
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20,965,331,746	31,224,088,834
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	12,271,603	8,892,592
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1,708</u>	<u>3,511</u>

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**a). Báo cáo bộ phận chính yếu – Theo lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty.

b). Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
		VND	VND
Góp vốn vào công ty			
- Công ty Cổ phần Bất động sản TH I	Công ty liên kết	3,500,000,000	2,000,000,000
Doanh thu bán hàng			
- Công ty Cổ phần Bất động sản TH I	Công ty liên kết	40,000,000	-
Tạm ứng hợp đồng			
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	Công ty liên kết	-	4,144,600,000
- Công ty Cổ phần Bất động sản TH I	Công ty liên kết	626,952,100	-
Lãi cho vay vốn, lãi chậm thanh toán			
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	Công ty liên kết	281,770,107	-
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Công ty liên kết	8,208,000,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2011	01/01/2011
		VND	VND
Phải thu tiền hàng			
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	Công ty liên kết	7,874,238,581	7,592,468,474
- Công ty Cổ phần Bất động sản TH I	Công ty liên kết	381,761,000	20,000,000
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Công ty liên kết	12,104,000,000	3,896,000,000
Phải trả khác			
- Công ty Cổ phần Bất động sản TH I	Công ty liên kết	-	245,191,100

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Lê Xuân Chất
 Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Khải
 Tổng Giám đốc

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2011